TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 10 – 6 – 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Thành Ngôn;

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", thụ lý số: 11/2019/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số x, khóm B, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số x, khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết yêu cầu khởi kiện, tờ tự khai và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là ông Phạm Văn H1 trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Tuyết H2 tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 10/2013 và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn LV ngày 03/10/2013. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng ông. Sau khi kết hôn, ông và bà H2 đến Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn được hai năm sau đó về lại huyện LV sinh sống. Quá trình chung sống, ông và bà H2 hạnh phúc được 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H2 lười lao động, không tiết kiệm, không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ. Những lúc vợ chồng cự cãi thì bà H2 luôn tìm cách đập phá các vật dụng trong nhà. Khi vợ chồng ông có mâu thuẫn thì không được mẹ vợ khuyên can. Khi mẹ của ông góp ý thì bà H2 có thái độ không tôn trọng. Đến tháng 3 năm 2018, bà H2 bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho tới nay. Suốt thời gian ly thân, bà H2 chỉ qua thăm con được 01 lần.

Về con chung: Ông và bà H2 có 02 con chung tên Phạm Hải Đ sinh ngày 23/3/2016 và Phạm Hải T sinh ngày 26/12/2017. Các con từ khi sinh ra cho tới nay do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Tuyết H2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H1 vì hôn nhân của ông và bà H2 không còn mang lại hạnh phúc. Về con chung,

thời gian qua, ông H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để các cháu có cuộc sống ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng các con của nguyên đơn. Ông H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Do bà H2 không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H2 là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường M xác định bà H2 đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại số x, khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang, bà H2 vẫn đang sinh sống tại địa phương. Kết quả xác minh này phù hợp với đơn xin xác nhận nơi cư trú do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà H2. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà H2 vẫn không có mặt. Ông H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/6/2019, lý do ông phải đi làm ăn ở xa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H2 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy Chứng nhận kết hôn số

75, ngày 03/10/2013, quyển số 1/2013 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà H2 không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông H1, cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải. Như vậy, bà đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[5] Ông H1 cho rằng quá trình vợ chồng ông chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà H2 lười lao động, không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, như không quan tâm đến chồng con. Ông và cha mẹ nhiều lần nhắc nhở để bà H2 sửa đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông tự ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân đã lâu nhưng ông H1, bà H2 vẫn không có biện pháp hàn gắn, đôi bên đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng và gia đình không còn gắn bó, tồn tại. Nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H1.

[6] Về con chung: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 13/2018 ngày 25/01/2018 và số 067 do Ủy ban nhân dân thị trấn LV cấp cho Phạm Hải Th sinh ngày 26/12/2017 và Đặng Hải Đ sinh ngày 23/3/2016 đã đủ cơ sở xác định ông H1 và bà H2 có 02 con chung. Xét thấy, theo tờ tường trình ngày 14/3/2019 của ông H1 được Văn phòng Khóm B, thị trấn LV xác nhận ông H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con thời gian qua. Để ổn định đời sống tinh thần, tâm lý cho các cháu, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu được nuôi con của ông H1.

[7] Do ông H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của bà H2 về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] ***Về án phí*:** Ông H1 phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết H2 .

- Về con chung: Ông H1 và bà H2 có 02 (Hai) con chung Phạm Hải Đ sinh ngày 23/3/2016 và Phạm Hải Th sinh ngày 26/12/2017. Ông H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung.

Bà H2 không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H1 không yêu cầu.

Ông H1 và các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà H2 thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông H1 phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông H1 đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010810 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H1 và bà H2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND thị trấn LV huyện LV, Đồng Tháp;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh